**Trường Tiểu học Trần Bình Trọng- Khối lớp 5**

**Môn Toán- Tuần 34**

**Thứ hai ( 10/5/2021)**

# *\*TIẾT:* Toán lớp 5 trang 171 Luyện tập

**Câu 1:** Trên hình bên, diện tích của hình tứ giác ABED lớn hơn diện tích của hình tam giác BEC là 13,6cm2. Tính diện tích của hình tứ giác ABCD, biết tỉ số diện tích của hình tam giác BEC và diện tích hình tứ giác ABED là 2/3



Hướng dẫn giải

- Tìm diện tích tam giác BEC và diện tích tứ giác ABED theo dạng toán tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số.

(Vẽ sơ đồ biểu thị diện tích tam giác BEC gồm 2 phần và diện tích tứ giác ABED gồm 3 phần như thế)

- Diện tích hình tứ giác ABCD = diện tích tam giác BEC + diện tích tứ giác ABED.

Đáp án

Theo đề bài ta có sơ đồ:

****

Cách 1

Theo sơ đồ, diện tích hình tam giác BEC là:

13,6 : (3 – 2) x 2 = 27,2 (cm2)

Diện tích hình tứ giác ABED là: 27,2 + 13,6 = 40,8 (cm2)

Diện tích hình tứ giác ABCD là: 40,8 + 27,2 = 68 (cm2)

Đáp số: 68cm2

Cách 2

Theo sơ đồ diện tích tứ giác ABED là 3 phần và diện tích tam giác BEC là 2 phần. Mà diện tích tứ giác ABED lớn hơn diện tích tam giác BEC là 13,6 cm2.

Do đó 1 phần là 13,6 cm2.

Diện tích tam giác BEC là:

13,6 × 2 = 27,2(cm2)

Diện tích tứ giác ABED là:

27,2 + 13,6 = 40,8 (cm2)

Diện tích của tứ giác ABCD là:

27,2 + 40,8 = 68 (cm2)

Đáp số: 68cm2.

**Câu 2: Lớp 5A có 35 học sinh. Số học sinh nam bằng 3/4 số học sinh nữ. Hỏi số học sinh nữ hơn số học sinh nam là bao nhiêu em?**

Hướng dẫn giải

Tìm số học sinh và số học sinh nữ theo dạng toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó

Cách làm

Bước 1: Vẽ sơ đồ thể hiện bài toán

Bước 2: Tính số học sinh nam và học sinh nữ của lớp 5A

Bước 3: Tính số học sinh nữ nhiều hơn học sinh nam

 Đáp án

**Theo đề bài ta có sơ đồ:**

 ****

Cách 1

Theo sơ đồ, số học sinh nam của lớp 5A là:

35 : (3 + 4) x 3 = 15 (học sinh).

Số học sinh nữ của lớp 5A là:

35 – 15 =20 (học sinh).

Số học sinh nữ nhiều hơn số học sinh nam là:

20 – 15 = 5 (học sinh)

Đáp số: 5 học sinh.

Cách 2

Theo sơ đồ tổng số phần bằng nhau là:

3 + 4 = 7 (phần)

Số học sinh nữ hơn số học sinh nam hay giá trị 1 phần là:

35 : 7 = 5 (học sinh)

Đáp số: 5 học sinh

**Câu 3: Một ô tô đi được 100km thì tiêu thụ 12l xăng. Ô tô đó đã đi được quãng đường 75km thì tiêu thụ hết bao nhiêu lít xăng?**

Hướng dẫn giải

Giải bài toán theo dạng toán rút về đơn vị:

- Tìm số lít xăng tiêu thụ khi đi 1km = số lít xăng tiêu thụ khi đi 100km : 100.

- Số lít xăng tiêu thụ khi đi 75km = số lít xăng tiêu thụ khi đi 1km × 75.

**Cách làm**

**Bước 1: Tính số xăng tiêu thụ khi ô tô đi quãng đường 1km**

**Bước 2: Tính số xăng tiêu thụ khi ô tô đi quãng đường 75km**

 **Đáp án**

Ô tô đi 1km thì tiêu thụ hết:

12 : 100 = 0,12 (lít)

Ô tô đi 75 km thì tiêu thụ hết:

0,12 x 75 = 9 (lít)

Đáp số: 9 lít xăng

**Câu 4: Hình bên là biểu đồ cho biết tỉ lệ xếp loại học lực của học sinh khối 5 Trường Tiểu học Thắng lợi. Tính số học sinh mỗi loại, biết số học sinh xếp loại học lực khá là 120 học sinh.**

 

Hướng dẫn giải

- Tìm tỉ số phần trăm của học sinh khá và học sinh toàn trường: 100% - (25% + 15%) = 60%.

- Số học sinh toàn trường = số học sinh khá : 60 × 100.

- Số học sinh giỏi = số học sinh toàn trường : 100 × 25.

- Số học sinh trung bình = số học sinh toàn trường : 100 × 15.

 **Cách làm**

**Bước 1: Tính phần trăm số học sinh khá của khối 5**

**Bước 2: Tính số học sinh khối 5 bằng cách lấy 120 chia cho 60%**

**Bước 3: Tính số học sinh giỏi và số học sinh trung bình của khối 5**

Đáp án

Số phần trăm học sinh khá khối 5 của trường Thắng Lợi là:

100% – (25% + 15%) = 60%

Số học sinh toàn khối 5 của trường là:

120 : 60 x 100 = 200 (học sinh)

Số học sinh giỏi khối 5 của trường là:

200 x 25 : 100 = 50 (học sinh)

Số học sinh trung bình khối 5 của trường là:

200 x 15 : 100 = 30 (học sinh)

Đáp số: Giỏi: 50 học sinh; Khá: 120 học sinh; TB: 30 học sinh.

**Trường Tiểu học Trần Bình Trọng- Khối lớp 5**

**Môn Toán- Tuần 34**

**Thứ ba ( 11/5/2021)**

#  *\*TIẾT:* Toán lớp 5 trang 171, 172 Luyện tập (tiếp theo)

## câu 1

a) Tìm vận tốc của một ô tô đó đi được 120km trong 2 giờ 30 phút.

b) Bình đi xe đạp với vận tốc 15km/giờ từ nhà đến bến xe mất nửa giờ. Hỏi nhà Bình cách bến xe bao nhiêu ki-lô-mét?

c) Một người đi bộ với vận tốc 5km/giờ và đi được quãng đường 6km. Hỏi người đó đã đi trong thời gian bao lâu?

**Hướng dẫn giải**

Áp dụng các công thức:

v = s : t; s = v × t ; t = s : v

trong đó s là quãng đường, v là vận tốc và t là thời gian.

**Đáp án**

a) Đơn vị vận tốc là km/giờ nên:

2 giờ 30 phút = 2 giờ + 0,5giờ = 2,5 giờ.

Áp dụng công thức: v = s : t

Vận tốc của ô tô là:

120 : 2,5 = 48 (km/giờ)

b) Nửa giờ = 0,5 giờ.

Áp dụng công thức: s = v x t

Quãng đường từ nhà Bình đến bến xe là:

15 x 0,5 = 7,5 (km)

c) Áp dụng công thức: t = s : v

Thời gian người đi bộ đi quãng đường 6km là:

6 : 5 = 1,2 (giờ)

1,2 giờ = 1 giờ 12 phút.

Đáp số: a) 48km/giờ;

b) 7,5km/giờ;

c)1 giờ 12 phút hay 1,2 giờ.

**Câu 2**: Một ô tô và một xe máy xuất phát cùng một lúc từ A đến B. Quãng đường AB dài 90km. Hỏi ô tô đến B trước xe máy bao lâu, biết thời gian ô tô đi là 1,5 giờ và vận tốc ô tô gấp 2 lần vận tốc xe máy?

**Hướng dẫn giải**

Áp dụng các công thức:

v = s : t; s = v × t ; t = s : v

trong đó s là quãng đường, v là vận tốc và t là thời gian.

Tính vô tô

Tính vxe máy

Tính txe máy

Tính: txe máy– tô tô =

**Đáp án**

**Cách 1**

Áp dụng công thức : v = s : t

Vận tốc của ô tô là:

90 : 1,5 = 60 (km/giờ)

Vận tốc của xe máy là:

vô tô : 2 = 60 : 2 = 30 (km/giờ)

Áp dụng công thức: t = s : v

Thời gian xe máy đi quãng đường AB là:

90 : 30 = 3 (giờ)

Vậy ô tô đến B trước xe máy một khoảng thời gian là:

txe máy– tô tô = 3 - 1,5 = 1,5 (giờ)

1,5 giờ = 1 giờ 30 phút.

Đáp số: 1 giờ 30 phút hay 1,5 giờ

**Cách 2**

Trên cùng một quãng đường, thời gian và vận tốc là hai đại lượng tỉ lệ nghịch với nhau. Vận tốc ô tô gấp 2 lần vận tốc xe máy thì thời gian xe máy đi từ A đến B gấp 2 lần thời gian ô tô đi từ A đến B.

Ô tô đi từ A đến B mất 1,5 giờ thì xe máy đi từ A đến B hết số thời gian là:

1,5 × 2 = 3 (giờ)

Ô tô đến B trước xe máy số thời gian là:

3 − 1,5 = 1,5 (giờ)

1,5 giờ = 1 giờ 30 phút.

 **Đáp số: 1 giờ 30 phút.**

**Câu 3:** Hai ô tô xuất phát từ A và B cùng một lúc và đi ngược chiều nhau, sau 2 giờ chúng gặp nhau. Quãng đường AB dài 180km. Tìm vận tốc của mỗi ô tô, biết vận tốc ô tô đi từ A bằng 2/3 vận tốc ô tô đi từ B.

**Hướng dẫn giải**

- Hai xe xuất phát cùng 1 lúc và chuyển động ngược chiều nhau nên ta tìm tổng vận tốc theo công thức:

Tổng vận tốc = quãng đường AB : thời gian đi để gặp nhau.

- Tìm vận tốc mỗi xe theo dạng toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số.

**Đáp án**

Tổng vận tốc của hai ô tô là:

180 : 2 = 90 (km)

Do vận tốc ô tô đi từ A bằng  vận tốc ô tô đi từ B, nên ta về sơ đồ

* Vận tốc đi từ A chia làm 2 phần
* Vân tốc đi từ B chia làm 3 phần (các phần bằng nhau)

Ta có sơ đồ:



Vận tốc của ô tô đi từ A là:

90 : (2 + 3) x 2 = 36 (km/giờ)

Vận tốc của ô tô đi từ B là:

90 : (2 + 3) x 3 = 54 (km/giờ)

Hoặc 90 – 36 = 54 (km/giờ)

Đáp số: 54km/giờ; 36 km/giờ.

**Trường Tiểu học Trần Bình Trọng- Khối lớp 5**

**Môn Toán- Tuần 34**

**Thứ tư ( 12/5/2021)**

# *\*TIẾT:*

#  Toán lớp 5 trang 172 Luyện tập (tiếp theo)

**Câu 1:** Một nền nhà hình chữ nhật có chiều dài 8m, chiều rộng bằng  chiều dài. Người ta dùng các viên gạch hình vuông cạnh 4dm để lát nền nhà đó, giá tiền mỗi viên gạch là 20 000 đồng. Hỏi lát cả nền nhà thì hết bao nhiêu tiền mua gạch? (Diện tích phần mạch vữa không đáng kế).

**Hướng dẫn giải**

- Tính chiều rộng nền nhà = chiều dài × .

- Tính diện tích nền nhà = chiều dài × chiều rộng.

- Tính diện tích 1 viên gạch hình vuông = cạnh × cạnh.

- Tính số viên gạch cần dùng = diện tích nền nhà : diện tích 1 viên gạch.

- Số tiền mua gạch = giá tiền 1 viên gạch × số viên gạch cần dùng.

**Đáp án**

Chiều rộng nền nhà là:

Nền nhà hình chữ nhật có chiều rộng = 6m; chiều dài = 8m nên:

Diện tích nền nhà là:

chiều dài x chiều rộng = 8 x 6 = 48 (m2)

48m2 = 4800dm2.

Viên gạch hình vuông có cạnh = 4dm nên

Diện tích một viên gạch là:

4 x 4 =16 (dm2)

Diện tích nền nhà gấp diện tích viên gạch số lần là:

4800 : 16 = 300 (lần)

Số viên gạch cần lát là: 300 viên gạch

Mỗi viên gạch có giá = 20000 đồng.

Số tiền lát cả nền nhà là:

20000 x 300 = 6000000(đồng)

Đáp số: 6000000 đồng.

**Câu 2:** Một thửa ruộng hình thang có trung bình cộng hai đáy là 36m. Diện tích thửa ruộng đó bằng diện tích một mảnh đất hình vuông có chu vi 96m.

a) Tính chiều cao của thửa ruộng hình thang.

b) Biết hiệu hai đáy là 10m, tính độ dài mỗi cạnh đáy của thửa ruộng hình thang.

**Hướng dẫn giải**

- Tính độ dài cạnh mảnh đất hình vuông = chu vi : 4.

- Tính diện tích mảnh đất hình vuông = cạnh × cạnh.

Từ đó ta có diện tích thửa ruộng hình thang.

- Tính tổng độ dài 2 đáy = trung bình cộng 2 đáy × 2.

- Tính chiều cao hình thang = diện tích × 2 : tổng độ dài 2 đáy.

- Tìm độ dài hai đáy theo bài toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó:

Số lớn = (Tổng + Hiệu) : 2 ; Số bé = (Tổng – Hiệu) : 2

**Đáp án**

a) Mảnh đất có cho vi bằng 96m. Áp dụng công thức: Phình vuông= a x 4 nên a = P : 4

Cạnh mảnh đất hình vuông là:

96 : 4 = 24 (m)

Shình vuông= a x a

Diện tích mảnh đất hình vuông là:

24 x 24 = 576 (m2)

576m2cũng là diện tích của thửa ruộng hình thang.

Shình thang= nửa tổng 2 đáy x chiều cao, nên chiều cao = S : nửa tổng 2 đáy

Chiều cao của thửa ruộng hình thang là: 576 : 36 = 16 (m)

b) Tổng độ dài hai đáy của thửa ruộng hình thang là: 36 x 2 = 72 (m)

Ta có sơ đồ



Độ dài đáy bé của thửa ruộng hình thang là:

(72 – 10) : 2 = 31 (m)

Độ dài đáy lớn của thửa ruộng hình thang là:

72 – 31 = 41 (m)

Đáp số: a) 16m ; b) 41m, 31m.

**Câu 3:** Hình chữ nhật ABCD gồm hình thang EBCD và hình tam giác ADE có kích thước như hình dưới đây:



a) Tính chu vi hình chữ nhật ABCD.

b) Tính diện tích hình thang EBCD.

c) Cho M là trung điểm của cạnh BC. Tính diện tích hình tam giác EDM.

**Hướng dẫn giải**

Áp dụng các công thức:

- Chu vi hình chữ nhật = (chiều dài + chiều rộng) × 2.

- Diện tích tam giác = độ dài đáy × chiều cao : 2.

- Diện tích hình thang = (đáy lớn + đáy bé) × chiều cao : 2.

**Đáp án**

a) Hình chữ nhật có chiều dài là 84cm, chiều rộng là 28 cm. Áp dụng công thức:

Pchữ nhật = (a + b) x 2

Chu vi hình chữ nhật ABCD là:

(84 + 28) x 2 = 224 (cm)

b) Hình thang có đáy bé là 28cm, đáy lớn là 84 cm. Áp dụng công thức:

Shình thang= (đáy bé + đáy lớn) : 2 x h

Diện tích hình thang EBCD là:

(28 + 84)x 28: 2= 1568 (cm2)

c) Ta có BM = MC = 28 : 2 = 14 (cm)

Diện tích hình tam giác EBM là: 28 x14: 2 = 196 (cm2)

Diện tích tam giác DMC là: 84 x14 : 2= 588 (cm2)

Diện tích hình tam giác EDM là: Shình thang– (SEBM + SDMC) = 1568 – (196 + 588) = 784 (cm2)

Đáp số: a) 224cm; b) 1568cm2; c) 784cm2

**Trường Tiểu học Trần Bình Trọng- Khối lớp 5**

**Môn Toán- Tuần 34**

**Thứ năm ( 13/5/2021)**

***\*TIẾT: Luyện tập chung /175 SGK***

**Bài 1 (trang 175 SGK Toán 5)** Tính:

 ****

**Đáp án:**

****

**Bài 2 (trang 175 SGK Toán 5)** Tìm x:

a) x + 3,5 = 4,72 + 2,28 ;

b) x - 7,2 = 3,9 + 2, 5

**Lời giải:** a) x + 3,5 = 4,72 + 2,28

x + 3,5 = 7

x = 7 - 3,5

x = 3,5

b) x - 7,2 = 3,9 + 2, 5

x - 7,2= 6,4

x = 6,4 + 7,2

x = 13,6.

**Bài 3 (trang 175 SGK Toán 5) Luyện tập :** Một mảnh đất hình thang có đáy bé là 150m, đáy lớn bằng 5/3 đáy bé, chiều cao bằng 2/5 đáy lớn. Hỏi diện tích mảnh đất bằng bao nhiêu mét vuông, bao nhiêu héc-ta ?

**Lời giải:**

Đáy lớn hình thang dài:

150 : 3 x 5= 250 (m)

Chiều cao hình thang là:

250 : 5 x 2= 100 (m)

Diện tích mảnh đất hình thang là:

(150+250) x 100 :2 = 200000 (m2) = 2 ha

Đáp số: 200000m2; 2 ha

**Bài 4 (trang 175 SGK Toán 5) Luyện tập :** Lúc 6 giờ, một ô tô chở hàng đi từ A với vận tốc 45km/giờ. Đến 8 giờ, một ô tô du lịch cũng đi từ A với vận tốc 60km/giờ và đi cùng chiều với ô tô chở hàng. Hỏi đến mấy giờ thì ô tô du lịch đuổi kịp ô tô chở hàng ?

**Lời giải:**

Thời gian ô tô chở hàng đi trước ô tô du lịch là:

8 giờ - 6 giờ = 2 giờ.

Trong 2 h ô tô chở hàng đã đi được là:

45 x 2 = 90 (km)

Thời gian ô tô du lịch đi để đuổi kịp ô tô chở hàng là:

90 : (60 - 45) = 6 (giờ)

Ô tô du lịch đuổi kịp ô tô chở hàng lúc:

8 + 6 = 14 (giờ)

Đáp số: 14 giờ.

**Bài 5 (trang 175 SGK Toán 5) Luyện tập :** Tìm số tự nhiên thích hợp của x sao cho :

4/x = 1/5

**Lời giải:**




**Trường Tiểu học Trần Bình Trọng- Khối lớp 5**

**Môn Toán- Tuần 34**

**Thứ sáu ( 14/5/2021)**

***\*TIẾT: Luyện tập chung /176 SGK***

**Bài 1 (trang 176 SGK Toán 5):** Tính:

a) 683 x 35;    1954 x 425 ;    2438 x 306 ;



c) 36,66 : 7,8 ;   15,7 : 6,28 ;   27,63 : 0,45 ;

d) 16 giờ 15 phút : 5 ;    14 phút 36 giây : 12.

**Lời giải:**

a)

683 x 35 = 23905

1954 x 425 = 830450

2438 x 306 = 746028



c,

36,66 : 7,8 = 4,7

15,7 : 6,28 = 2,5

27,63 : 0,45 = 61,4

d)

16 giờ 15 phút : 5 = 3 giờ 15 phút

14 phút 36 giây : 12 = 1 phút 13 giây

**Bài 2 (trang 176 SGK Toán 5):** Tìm x:

a) 0,12 x x = 6 ;

b) x : 2,5 = 4 ;

c) 5,6 : x = 4 ;

d) x x 0,1 = 2/5 ;

**Lời giải:**

a) x = 50

b) x = 10.

c) x = 1,4

d) x = 4.

**Bài 3 (trang 176 SGK Toán 5):** Trong ba ngày một cửa hàng bán được 2400kg đường. Ngày thứ nhất bán được 35% số đường đó, ngày thứ hai bán được 40% số đường đó. Hỏi ngày thứ ba cửa hàng đó bán được bao nhiêu ki -lô-gam đường ?

**Lời giải:**

So với 2400kg đường thì số đường bán được ngày thứ ba bằng:

100 % - (35 % + 40 %) = 25%

Số đường bán được ngày thứ 3 bằng:

(2400 x 25) : 100 = 600 (kg)

Đáp số: 600kg đường

**Bài 4 (trang 176 SGK Toán 5):** Một cửa hàng bán hoa quả (trái cây) thu được 1800000 đồng, tính ra số tiền lãi bằng 20 % số tiền mua. Hỏi tiền vốn để mua số hoa quả đó là bao nhiêu đồng?

**Lời giải:**

So với tiền vốn thì 1800000 đồng bằng:

100% + 20% = 120%

Số tiền vốn để mua hoa quả là:

 = 1500000 (đồng)

Đáp số: 1500000 đồng